TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2020/KDTM-PT
Ngày: 30-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ và bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa;

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Minh;

Bà Bùi Kim Rết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLPT-KDTM, ngày 08 tháng 3 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ và yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2017/KDTM-ST, ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2019/QĐ-PT, ngày 30 tháng 10 năm 2019; Thông báo mở lại phiên tòa số: 17/2020/TB-KDTM, ngày 28 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2020/QĐ-PT, ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ P.

Địa chỉ: 30A/20, khu phố 4, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc H – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Như B, sinh năm 1984 và bà Lê Thị Thu Q, sinh năm 1994 (theo giấy ủy quyền ngày 28-9-2020); có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần S.

Địa chỉ: Khu công nghiệp N, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Jung H – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 270/2 L, khu V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, (giấy ủy quyền số 01/18/UQ-SY ngày 31-01-2018); có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn S – Luật sư Công ty Luật TNHH P, Đoàn Luật sư TP. H; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty cổ phần T.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 10, tòa nhà V, số 10, đường T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Lô Vb.20a2, Đường 24, Khu chế xuất T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị Mỹ L – Tổng Giám đốc; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty cổ phần S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-6-2016, và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ P trình bày:

Ngày 02-01-2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại - dịch vụ P (gọi tắt là Công ty P) và Công ty cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) ký kết hợp đồng số: 01.2013/SY-PCT (gọi tắt là hợp đồng). Theo nội dung hợp đồng, Công ty P sẽ cung cấp việc sửa chữa hệ thống lò, lắp đặt hệ thống đo lường và duy trì vận hành lò hơi, cụ thể:

- Sửa chữa hệ thống lò hơi 20 tấn/giờ;

- Sửa chữa lò dầu tải nhiệt 5.000.000 Kcal/giờ;

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng hơi cho lò 20 tấn/giờ;

- Lắp đặt đồng hồ đo lường lưu lượng nhiệt cho lò tải dầu 5.000.000 Kcal/giờ.

Đồng thời, Công ty P cung cấp hơi nước và nhiệt cho Công ty S với đơn giá: Hơi nước 385.000 VND/tấn, nhiệt 718.000 VND/tấn (đơn giá trên bao gồm: 80% chi phí nguyên liệu đốt, 20% chi phí cố định, chi phí vận hành, chi phí bảo trì, sửa chữa lò và hệ thống ghi xích, chi phí hóa chất sử dụng nước cấp cho lò hơi). Thời hạn hợp đồng là 05 năm. Định kỳ 03 tháng, Công ty P sẽ bảo trì, sửa chữa lò 01 lần.

Thực hiện hợp đồng, Công ty P đã đầu tư chi phí sửa chữa lò và vận hành lò theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty S luôn tìm cách gây khó khăn: nhiều lần yêu cầu giảm giá, thực hiện việc thanh toán không đúng thời hạn. Sau đó, Công ty S đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty P và ký hợp đồng với công ty khác.

Nay Công ty P khởi kiện buộc Công ty S phải thanh toán:

- Chi phí đầu tư sau khấu hao: 2.894.312.397 đồng;

- Lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc: 824.554.554 đồng (nợ gốc tính đến hết ngày 31/3/2016 là 4.089.651.390 đồng);

- Phí dịch vụ phát sinh khi chi phí cố định tăng 10%/năm của năm 2015 và 2016 là: 944.334.954 đồng;

- Bồi thường tiền lương Công ty P trả cho người lao động để phục vụ việc vận hành lò tại nhà máy của Công ty S với số tiền 475.200.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng;

- Lượng than 55.000 kg tồn trong kho của Công ty S chưa sử dụng: 92.565.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty P yêu cầu Công ty S phải thanh toán là 5.230.966.905 đồng.

Công ty P không đồng ý thanh toán 5.642.921.378 đồng theo yêu cầu phản tố của Công ty S.

Tại đơn phản tố ngày 26-9-2016, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần S trình bày:

Việc ký kết và nội dung thỏa thuận hợp đồng giống như Công ty P trình bày.

Theo hợp đồng, Công ty P có nghĩa vụ cung cấp hơi và nhiệt đảm bảo yêu cầu sản xuất của Công ty S. Tuy nhiên, từ tháng 5/2015 đến tháng 02/2016, Công ty P đã để xảy ra sự cố ngưng lò nhiều lần làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và gây thiệt hại cho Công ty S. Công ty S đã nhiều lần nhắc nhở nhưng Công ty P vẫn không khắc phục được.

Ngày 03-02-2016 (biên bản họp ghi sai ngày 02-3-2016), các bên họp để trao đổi liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Theo nội dung cuộc họp, Công ty P đồng ý để Công ty S tiến hành đấu thầu dịch vụ vận hành lò hơi theo lịch trình: Ngày 04-02-2016, Công ty S gửi thông báo mời thầu, ngày 16-02-2016 mở thầu và chọn nhà thầu. Trường hợp Công ty P trúng thầu thì hai bên sẽ ký hợp đồng mới thay thế hợp đồng kinh tế số 01.2013/SY-PCT ngày 02-01-2014 và trường hợp không trúng thầu thì hai bên sẽ ký thỏa thuận chấm dứt hợp đồng. Thời hạn Công ty P giao lò cho Công ty S là ngày 16-3-2016.

Căn cứ nội dung trên, Công ty S đã tiến hành đấu thầu nhưng Công ty P không tham gia đấu thầu. Vì vậy, Công ty S đã chọn nhà thầu mới thay thế Công ty P để vận hành lò hơi, cung cấp hơi và nhiệt phục vụ cho hoạt động sản xuất. Ngày 16-3-2016, Công ty P đã bàn giao lò hơi cho Công ty S. Do đó, việc chấm dứt hợp đồng kinh tế số: 01.2013/SY-PCT, ngày 02-01-2014 là có sự thỏa thuận của các bên nên Công ty P yêu cầu Công ty S bồi thường lương nhân công 475.200.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng là không có cơ sở. Mặt khác, Công ty P yêu cầu Công ty S phải trả chi phí sửa chữa, bảo trì và 10% chi phí cố định là không có căn cứ do theo Điều 2 của hợp đồng thì giá dịch vụ Công ty S phải trả cho Công ty P bao gồm 80% chi phí nguyên liệu đốt và 20% chi phí cố định, chi phí vận hành lò, chi phí bảo trì, sửa chữa lò và hệ thống ghi xích lò.

Đối với việc Công ty P yêu cầu tính lãi quá hạn trên số nợ gốc 4.089.651.390 đồng, Công ty S không đồng ý vì hiện nay số tiền nợ gốc Công ty S đã thanh toán xong và trong quá trình thanh toán Công ty P không thông báo gì về việc tính lãi quá hạn. Tuy nhiên, đối với lượng than tồn kho 55.000 kg, hiện nay Công ty S đã sử dụng hết nên đồng ý thanh toán cho Công ty P số tiền 92.565.000 đồng.

Công ty S có yêu cầu phản tố, buộc Công ty P bồi thường thiệt hại cho Công ty S do thực hiện không đúng nghĩa vụ hợp đồng, cụ thể:

- Chi phí dầu để chạy lò dầu thay thế trong thời gian bị sự cố ngưng lò than: 1.290.989.400 đồng;

- Chi phí nhuộm lại: 1.801.987.228 đồng;

- Chi phí khiếm khuyết, mất hàng: 649.944.750 đồng;

- Chi phí dầu để chạy dầu trong thời gian sửa chữa lò hơi: 1.900.000.000 đồng;

Tổng cộng: 5.642.921.378 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T do bà Dương Thị Mỹ L đại diện trình bày:

Theo đề xuất từ Công ty S, tháng 4/2016 Công ty cổ phần T (gọi tắt là Công ty T) đến tham quan công trình lò hơi thuộc nhà máy S. Qua trao đổi, Công ty T được biết lò hơi (đốt than) và lò dầu (đốt than) của Công ty S vận hành không ổn định nên thường xuyên phải chạy lò dầu FO để cung cấp đủ hơi nhiệt cho nhà máy. Vì vậy, Công ty S đề nghị Công ty T khảo sát và báo giá dịch vụ vận hành cung cấp hơi nhiệt theo yêu cầu của nhà máy. Ngày 08-4-2016, Công ty T và Công ty S ký kết hợp đồng. Theo đó, Công ty T sẽ tiếp nhận và cải tạo lò hơi và lò dầu hiện hữu, đồng thời để đảm bảo cung cấp đủ hơi nhiệt và thực hiện tốt công tác bảo trì sẽ đầu tư thêm 01 lò hơi mới (lò hơi này được lắp đặt hoàn tất và bắt đầu vận hành kể từ ngày 31-7-2016). Thời điểm Công ty T bắt đầu tiếp nhận lò đến nay, công tác vận hành được duy trì ổn định, hơi nhiệt cung cấp đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhà máy và Công ty S chưa phải chạy lò dầu. Nay Công ty P tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ với Công ty S, Công ty T không có tranh chấp với 02 công ty này.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2017/KDTM-ST, ngày 29 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch áp dụng các Điều 424, 521, 522, 523 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 302, 303, 304 Luật thương mại năm 2005; Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH, ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty P về việc "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ" đối với bị đơn Công ty S.

- Buộc Công ty S phải thanh toán cho Công ty P tổng số tiền 2.696.900.804 đồng (chi phí đầu tư, sửa chữa lò hơi sau khi đã khấu hao tài sản).

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty S về việc thanh toán cho Công ty P số tiền 92.565.000 đồng (tương đương lượng than 55.000 kg).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P về yêu cầu tính lãi suất quá hạn, bồi thường phí dịch vụ phát sinh 10% chi phí cố định, bồi thường cho người lao động với tổng số tiền 2.244.089.508 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty S về việc "bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng" đối với Công ty P.

3. Về án phí:

- Công ty P phải chịu 80.830.022 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.615.483 đồng theo biên lai thu số 005858 ngày 08-5-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Công ty P còn phải nộp thêm 24.214.539 đồng.

- Công ty S phải chịu 116.432.387 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 56.821.461 đồng đã nộp ngày 04-10-2016 tại Kho bạc Nhà nước huyện Nhơn Trạch, Công ty S phải nộp thêm 59.610.500 đồng.

4. Về chi phí thẩm định giá: Công ty P phải chịu 11.472.500 đồng (đã nộp xong).

Công ty S phải chịu 11.472.500 đồng (trả lại số tiền này cho Công ty P).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07-9-2017, bị đơn Công ty S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán 2.696.900.804 đồng chi phí đầu tư, sửa chữa lò hơi sau khi đã khấu hao tài sản và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29-9-2020, đại diện bị đơn Công ty S có đơn rút một phần yêu cầu phản tố và rút kháng cáo đối với các yêu cầu: Chi phí nhuộm lại với số tiền 1.801.987.228 đồng; chi phí khiếm khuyết mất hàng với số tiền 649.944.750 đồng; chi phí dầu để chạy dầu trong thời gian sửa chữa lò hơi: 1.900.000.000 đồng. Chỉ giữ yêu cầu phản tố và giữ kháng cáo đối với yêu cầu chi phí dầu để chạy lò dầu thay thế trong thời gian bị sự cố ngưng lò than: 1.290.989.400 đồng, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán 2.696.900.804 đồng chi phí đầu tư, sửa chữa lò hơi sau khi đã khấu hao tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

- Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P về việc yêu cầu Công ty S thanh toán 2.696.900.804 đồng chi phí đầu tư, sửa chữa lò hơi sau khi đã khấu hao tài sản, với lý do Chứng thư thẩm định giá số 1326/TĐG-CT ngày 05-6-2017 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Đ chưa chính xác, không khách quan, nội dung định giá lại bao gồm cả chi phí bảo trì, sửa chữa lò và hệ thống ghi xích đã được tính vào giá nhiệt và hơi nước Công ty S đã trả cho Công ty P theo Điều 2 của hợp đồng.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty S, buộc Công ty P thanh toán chi phí dầu để chạy lò dầu thay thế trong thời gian bị sự cố ngưng lò than là 1.290.989.400 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty S phải thanh toán 2.696.900.804 đồng chi phí đầu tư, sửa chữa lò hơi sau khi đã khấu hao tài sản: Theo hợp đồng thì Công ty P sẽ đầu tư trong thời hạn 05 năm, tuy nhiên đến ngày 03-2-2016 thì hợp đồng chấm dứt do có sự thỏa thuận của các bên. Công ty S được thụ hưởng giá trị còn lại của tài sản mà Công ty P đã đầu tư, như vậy cần buộc Công ty S thanh toán cho Công ty P tài sản là các thiết bị máy móc Công ty P đã đầu tư. Tuy nhiên, tài liệu thẩm định giá là toàn bộ hóa đơn chứng từ do Công ty P cung cấp, trong các hóa đơn chứng từ đưa ra thẩm định giá bao gồm cả phần tiền công sửa chữa lò, chi phí lắp đặt, tiền vệ sinh, công vận chuyển, tiền hủy hợp đồng lọc dầu, phần chi phí này là phần chi phí sửa chữa lò thuộc phần trách nhiệm của nguyên đơn theo Điều 2 của hợp đồng. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đối chất làm rõ các hóa đơn chứng từ đưa vào thẩm định giá có phải hóa đơn xuất cho bị đơn hay không, có thể hiện bị đơn là người mua hàng trên hóa đơn này hay không, các hóa đơn này là đầu tư vào máy móc của bị đơn hay không. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất các bên đương sự để xác định chủng loại tài sản Công ty P đã đầu tư để giám định là thiếu sót.

+ Yêu cầu phản tố của bị đơn về chi phí dầu để chạy lò dầu thay thế trong thời gian bị sự cố ngưng lò than từ 27-5-2015 đến 22-10-2015: Theo quy định tại Điều 5.2 của hợp đồng "Trong thời gian vận hành lò dầu dự phòng do lỗi vận hành hoặc nguyên liệu đốt không đảm bảo thì chi phí dầu đốt nguyên đơn chịu, lượng hơi nhiệt vẫn tính tiền cho nguyên đơn". Trong thời gian từ ngày 27-5-2015 đến ngày 22-10-2015 lượng hơi nhiệt vẫn được tính tiền cho Công ty P. Trong thời gian này có xảy ra sự cố ngưng lò được thể hiện trong nhật ký lò than, Công ty S đã cũng cấp các hóa đơn tiền dầu sử dụng do sự cố ngưng lò. Tuy nhiên, Công ty P không đồng ý giảm trừ vì cho rằng không phải do lỗi của Công ty P mà do lò cũ. Cấp sơ thẩm không xem xét làm rõ những lần vận hành lò dầu thay thế trong thời gian này là do lỗi vận hành của nguyên đơn, nguyên liệu đốt không đảm bảo hay không để xem xét trách nhiệm của nguyên đơn. Xét kháng cáo xem xét lại chi phí mua dầu thay thế trong thời gian ngưng lò là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử phúc thẩm vắng mặt Công ty cổ phần T.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và xác định tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo của Công ty S:

- Công ty S kháng cáo không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty S phải thanh toán 2.696.900.804 đồng chi phí đầu tư, sửa chữa lò hơi sau khi đã khấu hao tài sản:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Điều 1 của hợp đồng số 01.2013/SY-PCT ngày 02-01-2014, Công ty P thực hiện việc sửa chữa hệ thống lò hơi 20 tấn/giờ, sửa chữa lò dầu tải nhiệt 5.000.000 Kcal/giờ, lắp đặt đồng hồ đo lường lưu lượng hơi cho lò 20 tấn/giờ, lắp đặt hệ thống đo lường lưu lượng nhiệt cho lò tải dầu 5.000.000 Kcal/giờ; chi phí sửa chữa lò, lắp đặt hệ thống đo lường do Công ty P chịu. Đồng thời, theo Điều 2 của hợp đồng, Công ty P cung cấp hơi nước và nhiệt cho Công ty S với đơn giá: Hơi nước 385.000 VND/tấn, nhiệt 718.000 VND/tấn (đơn giá trên bao gồm: 80% chi phí nguyên liệu đốt, 20% chi phí cố định, chi phí vận hành, chi phí bảo trì, sửa chữa lò và hệ thống ghi xích, chi phí hóa chất sử dụng nước cấp cho lò hơi). Thời hạn của hợp đồng là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Định kỳ 03 tháng, Công ty P sẽ bảo trì, sửa chữa lò 01 lần.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên thống nhất từ giữa tháng 5/2015 đến tháng 02/2016 do xảy ra sự cố ngưng lò nhiều lần không khắc phục được, nên ngày 03-02-2016, giữa Công ty P và Công ty S họp trao đổi liên quan đến việc thực hiện hợp đồng với nội dung: Công ty P đồng ý để Công ty S tiến hành đấu thầu dịch vụ vận hành lò hơi. Trường hợp Công ty P trúng thầu, hai bên sẽ ký hợp đồng mới thay hợp đồng kinh tế số 01.2013/SY-PCT ngày 02-01-2014. Trường hợp Công ty P không trúng thầu, các bên ký thỏa thuận chấm dứt hợp đồng. Ngày 04-02-2016, Công ty S mời thầu và Công ty P không tham gia đấu thầu. Ngày 16-02-2016, Công ty S mở thầu và chọn nhà thầu. Ngày 16 và 28-3-2016, Công ty P và Công ty S tiến hành kiểm tra các hạng mục Công ty P đầu tư. Ngày 08-4-2016, Công ty S ký kết hợp đồng với Công ty T. Sau khi ký kết hợp đồng với công ty mới, ngày 25-4-2016 Công ty P và Công ty S tiếp tục tiến hành bàn giao các vật tư thiết bị còn có khả năng sử dụng được không gắn với lò hơi cho Công ty P.

Do đó, hợp đồng kinh tế giữa Công ty P và Công ty S chấm dứt trước thời hạn là do thỏa thuận của các bên.

Xét, để thực hiện hợp đồng số 01.2013/SY-PCT ngày 02-01-2014, Công ty P đã đầu tư tài sản để sửa chữa, vận hành lò hơi, áp dụng cho hợp đồng có thời hạn 05 năm. Theo văn bản số 112016/CVSY ngày 06-4-2016 của Công ty S gửi Công ty P có phần nội dung thể hiện Công ty S xác nhận số liệu mà Công ty S tính toán do Công ty P đầu tư còn lại là 1.867.406.776 đồng. Quá trình làm việc trước khi xét xử phúc thẩm, ngày 20-5-2020 Công ty S đã lập bảng kê cung cấp cho Tòa án xác nhận có 14 hạng mục (theo danh mục được thẩm định giá) thuộc chi phí đầu tư, sửa chữa của Công ty P. Vì vậy, Công ty P yêu cầu Công ty S thanh toán chi phí đầu tư, sửa chữa lò hơi, lò dầu tải nhiệt sau khấu hao theo hợp đồng đã ký kết là có cơ sở.

Về số tiền phải thanh toán:

Theo Công ty T xác nhận, ngày 08-4-2016 Công ty T ký kết hợp đồng với Công ty S, đã tiếp nhận và cải tạo lò hơi và lò dầu hiện hữu, đồng thời để đảm bảo cung cấp đủ hơi nhiệt và thực hiện tốt công tác bảo trì sẽ đầu tư thêm 01 lò hơi mới (lò hơi này được lắp đặt hoàn tất và bắt đầu vận hành kể từ ngày 31-7-2016). Thời điểm Công ty T bắt đầu tiếp nhận lò đến nay, công tác vận hành được duy trì ổn định, hơi nhiệt cung cấp đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhà máy và Công ty S chưa phải chạy lò dầu. Quá trình xét xử sơ thẩm, Công ty S không cung cấp hóa đơn, chứng từ thể hiện thực trạng các thiết bị, tài sản của Công ty P đầu tư còn lại và các thiết bị, tài sản Công ty T đã đầu tư vào hệ thống lò khi tiếp nhận và cải tạo lò. Đối với Công ty T không có ý kiến gì về chi phí đầu tư, sửa chữa của Công ty P.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18-4-2017 thể hiện: đang hoạt động 01 lò hơi công nghiệp; lò 1 là đốt than củi, vật dễ cháy khác, ngừng hoạt động từ tháng 8/2016, vẫn còn nguyên vẹn; lò 2 là lò dầu tản nhiệt, sử dụng than đá, vật dễ cháy khác, đang hoạt động. Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu hai bên cung cấp hồ sơ pháp lý về lò hơi, chứng từ sửa chữa, đầu tư vận hành 02 lò hơi. Tuy nhiên, sau ngày xem xét thẩm định tại chỗ, quá trình công khai chứng cứ, Công ty S không cung cấp cho Tòa án các tài liệu liên quan đến việc xác định: Tài sản do Công ty P đầu tư còn lại sau khi đã khấu hao, tài sản do Công ty T Hải đã đầu tư sau khi tiếp quản để xác định số tiền phải thanh toán theo yêu cầu của Công ty P. Quá trình làm việc tại Tòa án cấp phúc thẩm, Công ty S không cung cấp được chứng cứ để chứng minh các chi phí đầu tư, sửa chữa theo hồ sơ thẩm định giá không phải do Công ty P đầu tư. Mặt khác, Hội đồng xét xử xét trên cơ sở nội dung hợp đồng, Công ty P đầu tư sửa chữa để vận hành 02 lò và cung cấp hơi nước, nhiệt cho Công ty S. Các hóa đơn, chứng từ sửa chữa này được đơn vị thứ ba cung cấp, việc sửa chữa có biên bản nghiệm thu, phiếu giao nhận hàng và Công ty

S không có ý kiến gì (bị đơn đã được tiếp cận tài liệu chứng cứ theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16-12-2016); mặt khác, hợp đồng được thực hiện từ tháng 01/2014 đến tháng 02/2016 và Công ty S cũng không có ý kiến về quá trình đầu tư, sửa chữa của Công ty P. Tòa án cấp sơ thẩm đã thẩm định giá trên cở sở hóa đơn, chứng từ do nguyên đơn cung cấp. Sau khi nhận được chứng thư thẩm định giá số 1326/TĐG-CT ngày 05-6-2017 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Đ thì Công ty S và Công ty T không có ý kiến. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 1326/TĐG-CT ngày 05-6-2017 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Đ buộc Công ty S phải thanh toán 2.696.900.804 đồng chi phí đầu tư, sửa chữa lò hơi sau khi đã khấu hao tài sản cho Công ty P là đúng quy định pháp luật.

Về yêu cầu của Công ty S xem xét lại chứng thư thẩm định giá và yêu cầu định giá lại: Tại cấp phúc thẩm, Công ty S đưa ra yêu cầu thẩm định giá lại vì cho rằng tài sản tranh chấp được đưa ra thẩm định bao gồm tài sản của Công ty S, phần đầu tư của Công ty P, phần đầu tư của Công ty T; nội dung định giá lại bao gồm cả chi phí bảo trì, sửa chữa lò và hệ thống ghi xích đã được tính vào giá nhiệt và hơi nước Công ty S đã trả cho Công ty P theo Điều 2 của hợp đồng và thẩm định giá không thẩm định đúng theo nội dung yêu cầu thẩm định của Tòa án. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét quá trình làm việc, Tòa án đã yêu cầu Công ty S cung cấp tài liệu chứng cứ cho yêu cầu thẩm định giá lại nhưng không cung cấp và không chứng minh được kết quả định giá lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án; mặt khác tại công văn số 440/TĐG ngày 16-7-2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đ thể hiện việc thẩm định giá lần đầu được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự, không có căn cứ định giá lại tài sản theo yêu cầu của Công ty S.

- Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

+ Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29-9-2020, đại diện bị đơn Công ty S có đơn rút một phần yêu cầu phản tố và rút kháng cáo đối với các yêu cầu: Chi phí nhuộm lại với số tiền 1.801.987.228 đồng; chi phí khiếm khuyết mất hàng với số tiền 649.944.750 đồng; chi phí dầu để chạy dầu trong thời gian sửa chữa lò hơi: 1.900.000.000 đồng; việc rút đơn được đại diện Công ty P đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu phản tố đã rút nêu trên.

+ Đối với yêu cầu phản tố buộc Công ty P thanh toán chi phí dầu để chạy lò dầu thay thế trong thời gian bị sự cố ngưng lò than là 1.290.989.400 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Công ty S cho rằng trong quá trình vận hành lò, Công ty P đã để xảy ra sự cố ngưng lò nhiều lần gây thiệt hại cho Công ty S với chi phí dầu để chạy lò dầu thay thế là 1.290.989.400 đồng. Về phía Công ty P thừa nhận trong quá trình vận hành lò có xảy ra sự cố ngưng lò nhưng nguyên nhân do lò đã cũ.

Xét, khi ký hợp đồng, các bên không có biên bản ghi nhận hiện trạng lò của Công ty S và khi xảy ra sự cố ngưng lò các bên có biên bản ghi nhận sự việc nhưng không xác định nguyên nhân gây ra ngưng lò. Như vậy, khi xảy ra sự cố ngưng lò nhiều lần, các bên không thống nhất được nguyên nhân, cũng như không yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định nguyên nhân ngưng lò để có căn cứ kết luận việc ngưng lò do lỗi vận hành của Công ty P hay do hệ thống lò của Công ty S đã cũ. Trên thực tế, từ thời điểm tháng 10 năm 2015, Công ty P nhiều lần đề nghị Công ty S thay mới lò và đồng ý hỗ trợ 50% chi phí nhưng Công ty S không chấp nhận. Các lần đề nghị, Công ty P đều có thông báo hiện trạng và đề xuất đối với tình hình cung cấp hơi và nhiệt gửi Công ty S, nhưng Công ty S không chấp nhận và cho tiến hành thỏa thuận ngừng hợp đồng, đấu giá lại và sau đó xây dựng lò mới với đối tác khác.

Theo quy định tại Điều 5.2 của hợp đồng, "Trong trường hợp phải sử dụng lò dầu dự phòng, (do lỗi vận hành hoặc nguyên liệu đốt không đảm bảo), thì chi phí dầu đốt nguyên đơn chịu); Lượng hơi và nhiệt vẫn được tính tiền cho bị đơn". Mặt khác, khi ngừng lò, các bên không có biên bản ghi nhận thiệt hại và Công ty S không chứng minh được thiệt hại.

Như vậy, đối với yêu cầu này, Công ty S không chứng minh được Công ty P ngưng lò do lỗi vận hành hay do nguyên liệu đốt không đảm bảo và không chứng minh được thiệt hại. Đối với Công ty P có nhiều thông báo hệ thống lò đã cũ và có đề xuất phương án. Và theo tài liệu Công ty S cung cấp, quá trình trao đổi thỏa thuận ngừng hợp đồng, chi phí hơi nhiệt Công ty P đã giảm trừ cho chi phí phát sinh trên 05 hóa đơn từ tháng 10/2015 đến tháng 3/2016 cho Công ty S (tổng số tiền của các hóa đơn được giảm trừ là 11.743.875.220 đồng – BL 1209). Do đó, yêu cầu phản tố buộc Công ty P thanh toán chi phí dầu để chạy lò dầu thay thế trong thời gian bị sự cố ngưng lò than với số tiền 1.290.989.400 đồng của Công ty S là không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty S.

[4] Về chi phí thẩm định giá:

Công ty P phải chịu 11.472.500 đồng (đã nộp xong).

Công ty S phải chịu 11.472.500 đồng (trả lại số tiền này cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ P).

[5] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn Công ty S chịu án phí sơ thẩm trên cơ sở cộng chung yêu cầu phản tố không được chấp nhận và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận để tính án phí là không đúng. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về nội dung này, cụ thể:

- Án phí sơ thẩm:

+ Công ty P phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận: [72.000.000 đồng + 2% x (2.441.501.101 đồng – 2.000.000.000 đồng)] = 80.830.022 đồng. Được tính trừ vào số tiền 56.615.483 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005858 ngày 08-6-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ P còn phải nộp tiếp số tiền 24.214.539 đồng.

+ Công ty S phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận, yêu cầu phản tố đã rút theo quyết định của Tòa án sơ thẩm: [112.000.000 đồng + 0,1% x (5.642.921.378 đồng – 4.000.000.000 đồng)] = 113.642.921 đồng và án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận: [72.000.000 đồng + 2% x (2.789.465.804 đồng – 2.000.000.000 đồng)] = 87.789.316 đồng. Tổng cộng Công ty S phải chịu án phí là: 201.432.237 đồng. Được tính trừ vào số tiền 56.821.461 đồng đã nộp ngày 04-10-2016 tại Kho bạc Nhà nước huyện Nhơn Trạch, Công ty cổ phần S còn phải nộp tiếp số tiền 144.610.776 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Công ty S phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ vào biên lai tạm ứng án phí số 001740 ngày 19-9-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

[6] Về trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, không phù hợp quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ trách nhiệm chịu chi phí sữa chữa của nguyên đơn, chưa đối chất làm rõ chủng loại tài sản Công ty P đã đầu tư, đồng thời làm rõ trách nhiệm của nguyên đơn trong việc ngưng lò để giải quyết phần chi phí mua dầu thay thế của bị đơn. Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[8] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 308, Điều 309 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần S, sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch về án phí.

- Áp dụng các Điều 424, 521, 522, 523 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 85, 87, 302, 303, 304 Luật thương mại năm 2005; Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ P về việc "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ" đối với bị đơn Công ty cổ phần S.

Buộc Công ty cổ phần S thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ P chi phí đầu tư, sửa chữa lò hơi sau khi đã khấu hao tài sản là 2.696.900.804 đồng (hai tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu chín trăm nghìn tám trăm lẻ bốn đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần S về việc thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ P số tiền 92.565.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) (tương đương lượng than 55.000 kg).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ P về việc yêu cầu Công ty cổ phần S thanh toán lãi suất quá hạn, bồi thường phí dịch vụ phát sinh 10% chi phí cố định, bồi thường cho người lao động với tổng số tiền 2.244.089.508 đồng (hai tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm lẻ tám đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty cổ phần S đối với yêu cầu nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ P thanh toán chi phí dầu để chạy lò dầu thay thế trong thời gian bị sự cố ngưng lò than là 1.290.989.400 đồng (một tỷ hai trăm chín mươi triệu chín trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

5. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần S về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ P thanh toán: Chi phí nhuộm lại là 1.801.987.228 đồng (một tỷ tám trăm lẻ một triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi tám đồng); chi phí khiếm khuyết, mất hàng là 649.944.750 đồng (sáu trăm bốn mươi chín triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng); chi phí dầu để chạy dầu trong thời gian sửa chữa lò hơi là 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng).

6. Về chi phí thẩm định giá:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ P phải chịu 11.472.500 đồng (mười một triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) (đã nộp xong).

Công ty cổ phần S phải chịu 11.472.500 đồng (mười một triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) (trả lại số tiền này cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ P).

7. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại - dịch vụ P phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 80.830.022 đồng. Được tính trừ vào số tiền 56.615.483 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005858 ngày 08 tháng 6 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ P còn phải nộp tiếp số tiền 24.214.539 đồng (hai mươi bốn triệu hai trăm mười bốn nghìn năm trăm ba mươi chín đồng).

Công ty cổ phần S phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận, yêu cầu phản tố đã rút theo quyết định của Tòa án sơ thẩm là 113.642.921 đồng và án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 87.789.316 đồng. Tổng cộng Công ty cổ phần S phải chịu án phí sơ thẩm là 201.432.237 đồng (hai trăm lẻ một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng). Được tính trừ vào số tiền 56.821.461 đồng đã nộp ngày 04 tháng 10 năm 2016 tại Kho bạc Nhà nước huyện Nhơn Trạch, Công ty cổ phần S còn phải nộp tiếp số tiền 144.610.776 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười nghìn bảy trăm bảy mươi sáu đồng).

- Án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần S phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001740 ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thị Huỳnh Hoa